| QUỐC HỘI<br>------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>---------- |
|---|---|
| Số: 48/2014/QH13 | *Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2014* |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT
Hiệu lực: Đã biết
Tình trạng: Đã biết
www.ThuVienPhapLuat.vn

# LUẬT

## SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11.*

**Điều 1.**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1; bổ sung khoản 28 và khoản 29 Điều 3 như sau:

"1. *Hoạt động giao thông đường thủy nội địa* gồm hoạt động của người, phương tiện tham gia giao thông vận tải trên đường thủy nội địa; quy hoạch phát triển, xây dựng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy nội địa và quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa."

"28. *Chủ phương tiện* là tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện.

29. *Tai nạn giao thông đường thủy nội địa* là tai nạn xảy ra trên đường thủy nội địa, trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa do đâm va hoặc sự cố liên quan đến phương tiện, tàu biển, tàu cá gây thiệt hại về người, tài sản, cản trở hoạt động giao thông hoặc gây ô nhiễm môi trường."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

"3. Phát triển giao thông đường thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đường thủy nội địa theo hướng hiện đại, đồng bộ về luồng, tuyến, cảng, bến, công nghệ quản lý, xếp dỡ hàng hóa; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát triển vận tải đường thủy nội địa phải kết nối đồng bộ với các phương thức vận tải khác."

3. Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5; sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 8 như sau:

"5a. Giao phương tiện cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa."

"8. Thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở hoặc sử dụng chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

"1. Kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa gồm đường thủy nội địa; hành lang bảo vệ luồng; cảng, bến thủy nội địa; khu neo đậu ngoài cảng; kè, đập giao thông, báo hiệu đường thủy nội địa và các công trình

phụ trợ khác.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Cảng, bến thủy nội địa**

1. Cảng thủy nội địa được quy định như sau:

a) Cảng thủy nội địa là hệ thống công trình được xây dựng để phương tiện, tàu biển neo đậu, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác. Cảng thủy nội địa có vùng đất cảng và vùng nước cảng.

Vùng đất cảng được giới hạn để xây dựng cầu cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, lắp đặt thiết bị và công trình phụ trợ khác.

Vùng nước cảng được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu hạ tải, khu tránh bão;

b) Cảng thủy nội địa gồm cảng tổng hợp, cảng hàng hóa, cảng hành khách, cảng chuyên dùng và được phân thành cảng loại I, loại II, loại III.

2. Bến thủy nội địa là công trình độc lập có quy mô nhỏ, gồm vùng đất và vùng nước trước bến để phương tiện neo đậu, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác. Bến thủy nội địa gồm bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến khách ngang sông, bến chuyên dùng.

3. Việc xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào quy mô và phạm vi ảnh hưởng của cảng thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý của mình, quy định tiêu chí phân loại cảng, công bố danh mục cảng thủy nội địa; phân cấp kỹ thuật, quy định tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của cảng thủy nội địa và tiêu chuẩn của bến thủy nội địa.”

6. Bổ sung điểm e vào khoản 3 Điều 15 như sau:

“e) Chủ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc đại diện chủ công trình thủy lợi, thủy điện khi vận hành công trình phải thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

**“Điều 24.** ***Điều kiện hoạt động của phương tiện***

1. Đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 26 của Luật này;

b) Có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; kẻ hoặc gắn số đăng ký, vạch dấu mớn nước an toàn, ghi số lượng người được phép chở trên phương tiện;

c) Có đủ định biên thuyền viên và danh bạ thuyền viên theo quy định.

2. Đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải bảo đảm điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 5 người khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và bảo đảm điều kiện an toàn như sau:

a) Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị rò nước vào bên trong; phương tiện phải thắp một đèn có ánh sáng trắng ở nơi dễ nhìn nếu hoạt động vào ban đêm; phương tiện chở người phải có đủ chỗ cho người ngồi cân bằng trên phương tiện và có đủ áo phao hoặc dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện;

b) Máy lắp trên phương tiện phải chắc chắn, an toàn, dễ khởi động và hoạt động ổn định;

c) Phương tiện phải được kẻ hoặc gắn số đăng ký, ghi số lượng người được phép chở trên phương tiện;

d) Phương tiện phải được sơn vạch dấu mớn nước an toàn và khi chở người, chở hàng không được ngập qua vạch dấu mớn nước an toàn. Dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn một vạch có màu khác với màu sơn mạn phương tiện; vạch sơn có chiều rộng 25 milimét, chiều dài 250 milimét nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài lớn nhất của phương tiện; mép trên của vạch sơn cách mép mạn 100 milimét đối với phương tiện chở hàng, cách mép mạn 200 milimét đối với phương tiện chở người.

4. Đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải bảo đảm điều kiện an toàn quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Phương tiện phải bảo đảm còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

“3. Phương tiện phải đăng ký lại trong các trường hợp sau:

a) Chuyển quyền sở hữu;

b) Thay đổi tên, tính năng kỹ thuật;

c) Trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú của chủ phương tiện chuyển sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác;

d) Chuyển đăng ký từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

**“Điều 28. Phương tiện nhập khẩu**

Phương tiện nhập khẩu phải bảo đảm tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và bảo đảm niên hạn sử dụng của phương tiện được phép nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng có thời hạn 05 năm và được phân hạng như sau:

a) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được phân thành hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và hạng tư;

b) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được phân thành hạng nhất, hạng nhì và hạng ba."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

**"Điều 32. Điều kiện dự thi nâng hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng**

1. Người dự thi nâng hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Tuân thủ điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 29 của Luật này;

b) Có đủ thời gian làm việc theo chức danh tương ứng với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc thời gian làm việc theo chức danh đào tạo;

c) Tham gia khóa đào tạo dự thi nâng hạng.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết thời gian làm việc theo chức danh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và điều kiện dự thi nâng hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết điều kiện dự thi nâng hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng của phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh."

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

**"Điều 33. Đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng**

1. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng của loại phương tiện phù hợp với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng.

2. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng cao hơn được đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng thấp hơn.

3. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng cao hơn một hạng.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết việc thuyền viên đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết việc thuyền viên đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng của phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

**"Điều 34. Đảm nhiệm chức danh máy trưởng**

1. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được đảm nhiệm chức danh máy trưởng của loại phương tiện phù hợp với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng.

2. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng cao hơn được đảm nhiệm chức danh máy trưởng của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng thấp hơn.

3. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng cao hơn một hạng.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết việc thuyền viên đảm nhiệm chức danh máy trưởng, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết việc thuyền viên đảm nhiệm chức danh máy trưởng của phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh."

14. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 35 như sau:

"a) Đủ 18 tuổi trở lên;"

15. Bổ sung Điều 35a vào sau Điều 35 như sau:

**"Điều 35a. Trình báo đường thủy nội địa**

1. Trình báo đường thủy nội địa là văn bản thông báo hoàn cảnh phương tiện, tàu biển, tàu cá gặp phải và những biện pháp thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổn thất xảy ra do thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện lập nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ phương tiện, chủ tàu biển, chủ tàu cá và những người có liên quan.

2. Việc trình báo đường thủy nội địa phải thực hiện kể từ thời điểm phương tiện, tàu biển, tàu cá ghé vào cảng thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố hoặc chậm nhất 3 ngày làm việc kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố tại một trong các cơ quan Cảng vụ đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy, Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa."

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 47 như sau:

"2. Năm tiếng ngắn nhanh, liên tiếp là tín hiệu không thể nhường đường;"

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 55 như sau:

"1. Ban đêm, thắp hai đèn đỏ, đặt theo chiều thẳng đứng ở vị trí cao nhất của phương tiện, nếu còn di chuyển theo quán tính thì phương tiện loại A phải thắp thêm đèn mạn và đèn trắng lái, phương tiện loại B phải thắp thêm đèn nửa xanh nửa đỏ;"

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 71 như sau:

"1. Cảng vụ đường thủy nội địa là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa; trên luồng, tuyến khi có sự phân công của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải nhằm bảo đảm việc chấp hành quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và bảo vệ môi trường."

19. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 72 như sau:

"2. Kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường của phương tiện, tàu biển; kiểm tra giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và người lái phương tiện; cấp phép cho phương tiện, tàu biển ra, vào cảng, bến thủy nội địa.

3. Không cho phương tiện, tàu biển ra, vào cảng, bến thủy nội địa khi cảng, bến hoặc phương tiện, tàu biển không bảo đảm điều kiện an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường hoặc cảng, bến không đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện công tác quản lý luồng, tuyến theo phân công của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; thông báo hiện trạng của luồng, tuyến cho phương tiện, tàu biển."

20. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 5 Điều 77 như sau:

"1. Hoạt động vận tải đường thủy nội địa gồm hoạt động vận tải không kinh doanh và hoạt động vận tải kinh doanh.

2. Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa là hoạt động kinh doanh có điều kiện, gồm kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hóa.

Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa."

"5. Trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong hoạt động vận tải đường thủy nội địa được quy định như sau:

a) Chủ phương tiện kinh doanh vận tải hành khách phải mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với hành khách và người thứ ba;

b) Chủ phương tiện quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này khi kinh doanh vận tải hàng hóa phải mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho người thứ ba;

c) Điều kiện, mức phí bảo hiểm được thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm."

21. Bổ sung Điều 98a vào sau Điều 98 như sau:

**"Điều 98a. Thuê phương tiện**

1. Thuê phương tiện được thực hiện thông qua hợp đồng bằng văn bản giữa chủ phương tiện và người thuê phương tiện.

2. Các hình thức thuê phương tiện gồm:

a) Thuê phương tiện không bao gồm thuyền viên làm việc trên phương tiện;

b) Thuê phương tiện và thuyền viên làm việc trên phương tiện.

3. Chủ phương tiện cho thuê phương tiện có trách nhiệm sau:

a) Bảo đảm phương tiện đang trong trạng thái an toàn, bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật khi giao phương tiện cho người thuê phương tiện;

b) Trong trường hợp cho thuê phương tiện và thuyền viên trên phương tiện phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn làm việc của thuyền viên trên phương tiện; trả tiền lương, tiền công cho thuyền viên và chế độ khác theo quy định của pháp luật.

4. Người thuê phương tiện có trách nhiệm sau:

a) Sử dụng phương tiện, thuyền viên theo điều khoản trong hợp đồng và quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn làm việc của thuyền viên trên phương tiện; trả tiền lương, tiền công cho thuyền viên và chế độ khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Không cho người khác thuê lại phương tiện, thuyền viên trên phương tiện thuê, trừ trường hợp được chủ phương tiện đồng ý bằng văn bản; không được sử dụng phương tiện thuê làm tài sản thế chấp;

d) Chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng phương tiện; trường hợp phát hiện tình trạng mất an toàn và gây ô nhiễm môi trường của phương tiện thì phải tạm dừng khai thác và thông báo ngay cho chủ phương tiện biết để có biện pháp khắc phục."

22. Bổ sung Chương VIIa vào sau Điều 98a như sau:

"CHƯƠNG VIIa

## TÌM KIẾM, CỨU NẠN, CỨU HỘ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

### Mục 1

### TÌM KIẾM, CỨU NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

**Điều 98b. Tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa**

1. Tìm kiếm đường thủy nội địa là việc sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để xác định vị trí người, phương tiện bị nạn trên đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

2. Cứu nạn đường thủy nội địa là hoạt động cứu người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng của họ, gồm cả việc sơ cứu hoặc các biện pháp khác để đưa người bị nạn trên đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa đến vị trí an toàn.

3. Tình huống tìm kiếm, cứu nạn đường thủy nội địa là sự cố do thiên tai, thảm họa, tai nạn gây ra trên đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa có nguy cơ hoặc thực tế đang đe dọa, gây hậu quả tổn thất về người cần thiết phải có biện pháp ứng phó kịp thời, thích hợp để giảm tới mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra.

**Điều 98c. Nguyên tắc, tổ chức hoạt động tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa**

1. Hoạt động tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Thông tin về tai nạn, sự cố, yêu cầu tìm kiếm, cứu nạn phải được thông báo kịp thời, chính xác cho cơ quan tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa;

b) Tiến hành kịp thời, khẩn cấp bằng lực lượng, phương tiện tại chỗ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia tìm kiếm, cứu nạn;

c) Ưu tiên cứu người, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản;

d) Khi thực hiện tìm kiếm, cứu nạn phải bảo đảm an toàn đối với người và phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn.

2. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị tìm kiếm, cứu nạn có liên quan tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 98d. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa**

1. Thuyền trưởng, người lái phương tiện và người có mặt tại nơi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa hoặc phát hiện người, phương tiện bị nạn trên đường thủy nội địa phải tìm mọi biện pháp để kịp thời, khẩn cấp cứu người, phương tiện, tàu biển, tàu cá, tài sản bị nạn; báo cho cơ quan tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa gần nhất; xác định vị trí phương tiện bị tai nạn, sự cố, bảo vệ dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn, sự cố.

2. Cơ quan, đơn vị tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa nhận được tin báo phải cử ngay người, phương tiện đến nơi xảy ra tai nạn hoặc nơi phát hiện người, phương tiện bị nạn; được quyền huy động người, phương tiện để cứu vớt, cứu chữa người bị nạn, bảo vệ tài sản, phương tiện bị nạn, dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông thông suốt; trường hợp tai nạn, sự cố gây nguy hại đến môi trường thì phải báo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3. Cơ quan công an khi nhận được thông tin xảy ra tai nạn trên đường thủy nội địa phải kịp thời triển khai lực lượng tham gia công tác tìm kiếm, cứu nạn; tiến hành điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn hoặc nơi phát hiện người bị nạn có trách nhiệm chỉ đạo, huy động lực lượng bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ giúp đỡ người bị nạn; trường hợp có người chết mà không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất hoặc hỏa táng thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức chôn cất hoặc hỏa táng sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn tất thủ tục theo quy định của pháp luật.

**Điều 98đ. Bảo đảm điều kiện cho hoạt động tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa**

1. Các cơ quan tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa được trang bị phương tiện, thiết bị cứu nạn chuyên dùng phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ cứu nạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân có phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn được thanh toán, hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn tài chính bảo đảm cho công tác tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Tài trợ, hỗ trợ, viện trợ và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân cho hoạt động tìm kiếm, cứu nạn;

c) Các nguồn hợp pháp khác.

## Mục 2

## CỨU HỘ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

**Điều 98e. Cứu hộ giao thông đường thủy nội địa**

1. Cứu hộ giao thông đường thủy nội địa là hoạt động cứu phương tiện, tàu biển, tàu cá hoặc tài sản trên phương tiện, tàu biển, tàu cá thoát khỏi nguy hiểm hoặc hoạt động hỗ trợ gồm cả việc kéo, đẩy phương tiện, tàu biển, tàu cá đang bị nguy hiểm trên đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

2. Cứu hộ giao thông đường thủy nội địa được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân cứu hộ (sau đây gọi là bên cứu hộ) và chủ phương tiện, tàu biển, tàu cá được cứu hộ (sau đây gọi là bên được cứu hộ).

3. Việc giải quyết tranh chấp về thanh toán tiền công cứu hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

**Điều 98g. Nghĩa vụ của bên cứu hộ, bên được cứu hộ**

1. Bên cứu hộ có nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện theo thỏa thuận cứu hộ;

b) Tiến hành việc cứu hộ một cách tích cực;

c) Áp dụng biện pháp thích hợp để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về phương tiện, tài sản và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;

d) Yêu cầu sự hỗ trợ của tổ chức, cá nhân cứu hộ khác trong trường hợp cần thiết;

đ) Chấp nhận hành động cứu hộ của tổ chức, cá nhân cứu hộ khác khi có yêu cầu hợp lý của bên được cứu hộ.

2. Bên được cứu hộ có nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện theo thỏa thuận cứu hộ;

b) Hợp tác với bên cứu hộ trong suốt quá trình thực hiện cứu hộ;

c) Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trong quá trình được cứu hộ."

23. Bổ sung Điều 98h vào Chương VIII và vào trước Điều 99 như sau:

**"Điều 98h. Nội dung quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa**

1. Xây dựng, chỉ đạo và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển và bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về giao thông đường thủy nội địa.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

4. Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

5. Tổ chức thực hiện đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

6. Quản lý, đào tạo, cấp, đổi, thu hồi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa.

7. Quản lý hoạt động vận tải đường thủy nội địa.

8. Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy nội địa.

9. Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải đường thủy nội địa.

10. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

11. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

12. Hợp tác quốc tế về giao thông đường thủy nội địa."

24. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 99 như sau:

"3a. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa trong lĩnh vực quốc phòng, an

ninh theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan."

25. Bổ sung Điều 101a vào Chương IX, trước Điều 102 như sau:

**"Điều 101a. Áp dụng pháp luật đối với hoạt động của phương tiện ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải**

Hoạt động của phương tiện ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải phải tuân theo quy định của Luật này về phương tiện thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; vận tải đường thủy nội địa; tai nạn giao thông đường thủy nội địa và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy nội địa và quy định của pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức cảnh báo tại khu vực nguy hiểm đối với hoạt động của phương tiện ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải."

**Điều 2**

1. Sửa đổi một số từ ngữ của Luật giao thông đường thủy nội địa như sau:

a) Thay từ "mã lực" bằng từ "sức ngựa" tại các khoản 18, 19 và 20 Điều 3; khoản 1 và khoản 2 Điều 35; các khoản 1, 2 và 4 Điều 49; Điều 80;

b) Thay từ "bằng" bằng cụm từ "giấy chứng nhận khả năng chuyên môn" tại khoản 6 Điều 8; điểm c khoản 2 Điều 29; tên Điều và khoản 3 Điều 30; tên Điều, các khoản 2, 3 và 4 Điều 31;

c) Thay cụm từ "lụt, bão" bằng từ "thiên tai" tại khoản 1 Điều 10; Điều 11; khoản 2 Điều 22 và khoản 5 Điều 99;

d) Thay cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân các cấp" tại khoản 8 Điều 25;

đ) Thay từ "phê duyệt" bằng từ "thẩm định" tại điểm a khoản 1 Điều 26; thay từ "duyệt" bằng từ "thẩm định" tại khoản 2 Điều 27;

e) Thay cụm từ "tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành" bằng cụm từ "tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia" tại khoản 2 Điều 26;

g) Thay cụm từ "Cảnh sát giao thông đường thủy" bằng cụm từ "Cảnh sát đường thủy" tại đoạn dẫn của Điều 65; đoạn dẫn của Điều 66 và khoản 3 Điều 99;

h) Thay cụm từ "Bộ Thủy sản" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" tại khoản 3 và khoản 4 Điều 99;

i) Thay cụm từ "về giao thông đường thủy nội địa" bằng cụm từ "trên đường thủy nội địa" tại khoản 3 Điều 99.

2. Bổ sung cụm từ "người thuê phương tiện" sau cụm từ "chủ phương tiện" tại khoản 1 Điều 29.

3. Bổ sung cụm từ "giấy chứng nhận khả năng chuyên môn," sau cụm từ "các loại" tại khoản 3 Điều 31.

4. Bổ sung cụm từ "tàu cá" sau cụm từ "tàu biển" tại khoản 2 Điều 36.

5. Bổ sung cụm từ "luồng hẹp, luồng bị hạn chế" sau cụm từ "luồng cong gấp" tại tên Điều 37, khoản 2 Điều 37 và khoản 4 Điều 44.

6. Bỏ cụm từ "lụt, bão" tại điểm b khoản 1 Điều 21.

7. Bỏ cụm từ “Bộ trưởng Bộ Thủy sản” tại khoản 6 Điều 25; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 29; khoản 4 Điều 31; khoản 5 Điều 69.

8. Bỏ cụm từ “tàu cá” tại khoản 6 Điều 25; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 29; khoản 4 Điều 31.

9. Bỏ cụm từ “cảng cá, bến cá” tại khoản 5 Điều 69.

10. Bãi bỏ Điều 7.

**Điều 3**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2014.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Sinh Hùng**